

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 440 ha đất (trong đó diện tích đất có rừng tự nhiên là 89,72 ha) tại xã Ia Lốp, huyện Ea Súp của Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (trước đây của Binh Đoàn 16) giao cho UBND huyện Ea Súp quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-BQP ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Bộ Quốc phòng về việc điều chuyển nguyên trạng và tổ chức lại Trung đoàn 736, Trung đoàn 737 từ Binh đoàn 16 về Quân khu 5;

Căn cứ Công văn số 6841/BQP-TM ngày 17 tháng 6 năm 2017 của Bộ Quốc phòng về việc Dự án năng lượng mặt trời và chuyển giao khoảng 4.692ha đất dự án Kinh tế - Quốc phòng tại huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk cho địa phương để phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 522/TTr-STNMT ngày 01 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi 440 ha đất (trong đó diện tích đất có rừng tự nhiên là 89,72 ha) tại xã Ia Lốp, huyện Ea Súp của Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (trước đây của Binh Đoàn 16); cụ thể như sau:

- Về đất: diện tích 440 ha đất tại xã Ia Lốp, huyện Ea Súp; vị trí, ranh giới khu đất thu hồi theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 141818, 141819/TL-VPĐKĐĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 08/8/2019.

- Về rừng: diện tích đất có rừng tự nhiên 89,72 ha (trong đó: rừng lá rộng rụng lá kiệt (rlk) 50,12 ha; rừng chưa có trữ lượng (rcctl) 39,6 ha).

(Thông tin chi tiết về rừng theo Biểu tổng hợp kèm theo)

Lý do thu hồi: Bộ Quốc phòng thống nhất bàn giao đất về địa phương quản lý tại Công văn số 6841/BQP-TM ngày 17/6/2017.

2. Giao 440 ha đất (trong đó diện tích đất có rừng tự nhiên là 89,72 ha) thu hồi nêu trên cho UBND huyện Ea Súp quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 141818, 141819/TL-VPĐKĐĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 08/8/2019.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737 và các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc thu hồi, bàn giao đất, rừng tự nhiên trên thực địa;

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thu hồi, bàn giao đất, rừng tự nhiên trên thực địa theo quy định; xem xét, xử lý đối với diện tích rừng còn lại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737 có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Ea Súp và nhà đầu tư được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư trên diện tích đất nêu trên lập phương án bồi thường, hỗ trợ (nếu có) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định (nếu có);

- Rà soát hiện trạng trên khu đất thu hồi nêu trên để thực hiện việc bàn giao đất, rừng tự nhiên trên thực địa theo quy định;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan trong việc thu hồi, bàn giao đất, rừng tự nhiên trên thực địa theo quy định;

- Xử lý dứt điểm việc liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư (nếu có) với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tích đất thu hồi nêu trên theo quy định;

- Bàn giao các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất, rừng đối với diện tích thu hồi nêu trên cho UBND huyện Ea Súp để quản lý theo quy định.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công

thương, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea Súp; Bộ Tư lệnh Quân khu 5; Đoàn trưởng Đoàn Kinh tế Quốc phòng 737; Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Long Thành Đắc Lắc và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận: *như*

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (TLC-10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knơng



BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ RỪNG

(Kèm theo Quyết định số **3385** /QĐ-UBND ngày **12** tháng **11** năm 2019 của UBND tỉnh)

| Tiểu khu | Kh | Lô | Trạng thái | Các chỉ tiêu lâm học bình quân | | | | | % Số cây | | P. C (%) Trữ lượng | | | % Số cây tái sinh | | | | | | Xã | Ghi chú | | |
|----------|----|----|------------|--------------------------------|------------------------|------------|-----------|------------------------|----------|------|--------------------|------|------|-------------------|------|------|------|------|-------|------|---------|--------|--|
| | | | | H bq (m) | g/ha (m ²) | n/ha (cây) | d-bq (cm) | m/ha (m ³) | <25 | ≥25 | a | b | c | Cộng (n/ha) | <1m | | | ≥1m | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | n/ha | Khỏe | Yếu | n/ha | Khỏe | | | Yếu | |
| 152 | 9 | 45 | rcctl | 5,7 | 2,9 | 203 | 13,6 | 7,6 | 95,3 | 4,7 | 46,2 | 33,4 | 20,4 | 500 | 350 | 42,9 | 57,1 | 150 | 66,7 | 33,3 | Ia Lớp | | |
| 161 | 2 | 13 | rlk | 6,0 | 3,8 | 217 | 15,0 | 10,4 | 76,2 | 23,8 | 46,2 | 30,0 | 23,8 | 333 | 200 | 66,7 | 33,3 | 133 | 50,1 | 49,9 | Ia Lớp | | |
| | | 28 | rcctl | 6,2 | 2,5 | 140 | 15,1 | 7,1 | 79,5 | 20,5 | 20,8 | 55,1 | 24,1 | 534 | 267 | 49,9 | 50,1 | 267 | 49,9 | 50,1 | Ia Lớp | | |
| | 3 | 6 | rcctl | 5,7 | 2,9 | 203 | 13,6 | 7,6 | 95,3 | 4,7 | 46,2 | 33,4 | 20,4 | 500 | 350 | 42,9 | 57,1 | 150 | 66,7 | 33,3 | Ia Lớp | | |
| | | 15 | rlk | 5,5 | 5,2 | 310 | 14,7 | 12,9 | 87,1 | 12,9 | 9,9 | 65,1 | 25,0 | 800 | 400 | 50,0 | 50,0 | 400 | 50,0 | 50,0 | Ia Lớp | | |
| | | 17 | rcctl | 4,4 | 2,1 | 170 | 12,6 | 4,2 | 100,0 | 0,0 | 23,7 | 18,9 | 57,4 | 800 | 400 | 50,0 | 50,0 | 400 | 50,0 | 50,0 | Ia Lớp | | |
| | | 23 | rcctl | 5,9 | 2,4 | 70 | 21,1 | 6,5 | 43,5 | 56,5 | 18,4 | 25,1 | 56,5 | 800 | 400 | 50,0 | 50,0 | 400 | 50,0 | 50,0 | Ia Lớp | | |
| | | 24 | rcctl | 5,9 | 2,4 | 70 | 21,1 | 6,5 | 43,5 | 56,5 | 18,4 | 25,1 | 56,5 | 800 | 400 | 50,0 | 50,0 | 400 | 50,0 | 50,0 | Ia Lớp | | |
| | | 26 | rcctl | 5,3 | 2,8 | 206 | 13,2 | 6,8 | 100,0 | | | 46,0 | 39,1 | 14,9 | 400 | 229 | 74,9 | 25,1 | 171 | 66,8 | 33,2 | Ia Lớp | |
| | | 30 | rcctl | 5,7 | 2,9 | 203 | 13,6 | 7,6 | 95,3 | 4,7 | 46,2 | 33,4 | 20,4 | 500 | 350 | 42,9 | 57,1 | 150 | 66,7 | 33,3 | Ia Lớp | | |
| | 7 | 3 | rlk | 6,1 | 3,9 | 219 | 15,1 | 10,8 | 82,8 | 17,2 | 52,7 | 20,2 | 27,1 | 213 | 80 | 66,7 | 33,3 | 133 | 100,0 | | Ia Lớp | | |
| | | 5 | rlk | 6,1 | 3,9 | 219 | 15,1 | 10,8 | 82,8 | 17,2 | 52,7 | 20,2 | 27,1 | 213 | 80 | 66,7 | 33,3 | 133 | 100,0 | | Ia Lớp | | |
| | 8 | 2 | rlk | 6,1 | 3,9 | 219 | 15,1 | 10,8 | 82,8 | 17,2 | 52,7 | 20,2 | 27,1 | 213 | 80 | 66,7 | 33,3 | 133 | 100,0 | | Ia Lớp | | |
| | | 5 | rcctl | 5,3 | 2,8 | 206 | 13,2 | 6,8 | 100,0 | | | 46,0 | 39,1 | 14,9 | 400 | 229 | 74,9 | 25,1 | 171 | 66,8 | 33,2 | Ia Lớp | |

(Số liệu trích từ kết quả điều tra hiện trạng rừng và đất quy hoạch phát triển rừng đã được các Sở, ngành, địa phương và đơn vị chủ rừng, chủ đầu tư cùng tham gia, công nhận tại nội dung Biên bản phúc tra ngày 01 ngày 02 tháng 2019)

Ghi chú: - rlk: Rừng lá rộng rụng lá kiệt (M<50m³/ha)
 - rcctl: Rừng chưa có trữ lượng (M<10m³/ha)